

Số: /GPMT-UBND

Lai Châu, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Trang trại chăn nuôi lợn tại xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên;

Xét Văn bản số 03/GPMT-PTNNLC ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển nông nghiệp Lai Châu về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn tại xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1630/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển nông nghiệp Lai Châu, địa chỉ văn phòng tại tầng 3, Nhà A, số 028, Đường Thanh Niên, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn tại xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn tại xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 6200089359; đăng ký lần đầu ngày 28/7/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/6/2024; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu.

1.4. Mã số thuế: 6200089359.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn, trồng cây ăn quả.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở là 60.742,5 m², được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AA 00200804 ngày 22/4/2025 (với diện tích 753 m²) và số CX 355506 ngày 30/9/2021 (với diện tích 59.989,5 m²) tại xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Quy mô: Thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Công suất của cơ sở: 9.600 con lợn thịt/năm (02 lứa/năm, tương ứng với 4.800 con lợn thịt/lứa, tương đương 960 đơn vị vật nuôi); trồng cây ăn quả với diện tích đất sử dụng là 10.000 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển nông nghiệp Lai Châu

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển nông nghiệp Lai Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp các công trình, biện pháp xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung không đảm bảo quy chuẩn, yêu cầu rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để đảm bảo xử lý chất thải, tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 (mười) năm (từ ngày tháng năm 2025 đến ngày tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật; giao Sở Nông nghiệp và Môi trường cử công chức kiểm tra thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển nông nghiệp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Tân Uyên;
- UBND xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: V2, V3, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành, văn phòng (bao gồm nước thoát sàn, nước từ bồn Lavabo, nước từ bồn cầu);
- Nguồn số 02: nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt khu vực nhà ở công nhân (bao gồm nước thoát sàn, nước từ bồn Lavabo, nước từ bồn cầu, hoạt động nấu nướng, tắm giặt của công nhân);
- Nguồn số 03: nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt khu vực nhà bảo vệ (bao gồm nước thoát sàn, nước từ bồn Lavabo, nước từ bồn cầu).

1.2. Nước thải chăn nuôi

- Nguồn số 04: từ hoạt động chăn nuôi lợn (bao gồm nước tiểu lợn, nước làm mát cho lợn, nước vệ sinh chuồng trại, nước thải rỉ từ quá trình ép phân).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương dẫn nước ra suối Pắc Ta, bản Liên Hợp, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và diện tích đất trồng cây nông nghiệp của cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải sau hệ thống xử lý xả thải ra môi trường tại bản Liên Hợp, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây trong cơ sở (lượng nước thải tái sử dụng tùy thuộc vào mùa trong năm).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (mương dẫn nước ra suối Pắc Ta): X= 2442532; Y= 591191 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103°, múi chiều 3°).

- Tọa độ vị trí đại diện xả nước thải (nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây): X= 2442581; Y= 591517 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103°, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 124,6 m³/ngày (24 giờ).

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1, 2, 3): lượng nước thải phát sinh tối đa là 02 m³/ngày (24 giờ).

- Nước thải chăn nuôi (nguồn số 4): lượng nước thải phát sinh tối đa là 122,6

m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. *Phương thức xả nước thải*: tự chảy ra suối Pắc Ta, bản Liên hợp, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và Bơm cưỡng bức đối với nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới cây

- Hình thức xả thải: xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: xả liên tục đối với xả vào mương dẫn nước ra suối Pắc Ta, bản Liên hợp, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và gián đoạn đối với xả vào diện tích đất trồng cây nông nghiệp của cơ sở.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau*:

- Các chất ô nhiễm trong nước thải khi xả ra môi trường sẽ có các giá trị giới hạn đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi giá trị C (Cột B với $K_q=0,9$, $K_f=1,1$) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Không quy định bắt buộc thực hiện	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	99		
3	COD	mg/l	297		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	148,5		
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	148,5		
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5000		

- Nước thải được tận dụng cho tưới cây sẽ có các giá trị giới hạn đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Loại cây trồng được sử dụng
1	pH	-	5,5 - 9	Các loại cây trồng.
2	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	≤ 600	
3	Asen (As)	mg/l	≤ 0,1	
4	Cadimi (Cd)	mg/l	≤ 0,01	
5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	≤ 0,5	
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	≤ 0,002	
7	Chì (Pb)	mg/l	≤ 0,05	

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Loại cây trồng được sử dụng
8	E.coli	MPN hoặc CFU/100 ml	≤ 200	Các loại cây trồng.
			$> 200 - 1.000$	Các loại cây trồng trừ cây rau, cây được liệu hàng năm.
			$> 1.000 - 5.000$	Cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, dài ngày không sử dụng làm thực phẩm, thức ăn cho vật nuôi.
			> 5.000	Không được sử dụng cho các loại cây trồng.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01:

+ Nước thoát sàn của khu vực nhà điều hành theo ống nhựa PVC đường kính D110 mm, đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 140 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

+ Nước thải bồn cầu khu nhà điều hành được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính D42 mm, dài 0,5 m xuống bể tự hoại 2 dung tích 12 m³, sau đó đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 150 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

- Nguồn số 02:

+ Nước thoát sàn của khu vực nhà ở công nhân theo ống nhựa PVC đường kính D110 mm, đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 150 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

+ Nước thải bồn cầu khu nhà ở công nhân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính D42 mm, dài 0,5 m xuống bể tự hoại 1 dung tích 12 m³, sau đó đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 150 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

+ Nước thải từ bếp ăn được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 2,5 m lọc qua thiết bị tách mỡ 3 ngăn có dung tích 0,0735 m³, sau đó đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 140 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

- Nguồn số 03:

+ Nước thoát sàn của khu vực nhà bảo vệ theo ống nhựa PVC đường kính

D110 mm, đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 140 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

+ Nước thải bồn cầu khu nhà bảo vệ được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính D42 mm, dài 0,5 m xuống bể tự hoại 3 dung tích 12 m³, sau đó đầu nối vào ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 140 m tự chảy về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³.

- Nguồn số 04:

Nước thải từ hoạt động chăn nuôi được thu gom bằng rãnh thu bê tông có nắp kín (kích thước: rộng 0,3 m, sâu 0,6 m) tổng chiều dài 83 m kết hợp ống nhựa PVC đường kính D110 mm, dài 446 m và ống nhựa PVC đường kính D250 mm, dài 158 m đưa về bể city có dung tích 255,2 m³ để ép tách phân, nước thải, phân sau khi ép được đưa đến nhà để phân để lưu chứa, nước thải tại bể city theo đường ống nhựa HDPE đường kính 250 mm, dài 116 m đưa về hầm biogas 1 có dung tích 13.221 m³; nước thải sau hầm biogas 1 theo 2 ống nhựa HDPE đường kính 90 mm, dài 6 m đưa về hầm biogas 2 có dung tích 2.221,1 m³; nước thải sau hầm biogas 2 theo 02 đường ống nhựa HDPE đường kính 90 mm, dài 130 m về hệ thống hồ sinh học (hồ tùy nghi dung tích 627,4 m³; hồ hiếu khí 1 dung tích 1.632,3 m³; hồ hiếu khí 2 dung tích 1.306,3 m³ tại đây nước thải được phân nhánh theo đường ống nhựa PVC D90 dài 1m về bể khử trùng và theo ống nhựa nhựa PVC D50 dài 1 m về bể chứa có dung tích 1m³ để đặt bơm cường bức và qua đường ống nhựa dẻo D50 dài 110m để sử dụng nước thải tưới cây, vị trí trước bể có lắp đặt công tơ điện độc lập và đồng hồ để đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành); nước sau hệ thống hồ sinh học theo đường ống nhựa HDPE đường kính 110 mm, dài 1 m về bể khử trùng có dung tích 2,46 m³; nước sau bể khử trùng theo ống nhựa HDPE đường kính 90 mm, dài 2 m ra mương dẫn nước dẫn ra suối Pắc Ta tại vị trí xả thải có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, nhật ký vận hành.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

1.2.1.1. Thiết bị tách mỡ

Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sơ chế thức ăn, nấu nướng (được tách rác tại vị trí chế biến) → thiết bị tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi (bể biogas 2, hệ thống hồ sinh học và bể khử trùng).

- Số lượng: 01 thiết bị (tại nhà ở công nhân).

- Dung tích: 73,5 lít.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.1.2. Bể tự hoại 03 ngăn

Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu → bể tự hoại 03 ngăn (ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc) → hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi (bể biogas 2, hệ thống hồ sinh học và bể khử trùng).

- Số lượng: 03 bể (01 bể tại khu vực nhà điều hành, văn phòng; 01 bể tại khu vực nhà ở công nhân và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ).

- Dung tích: 12 m³/bể.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chế phẩm vi sinh.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải (nước thải từ quá trình bài tiết của lợn, từ hoạt động xịt rửa nền chuồng, nước thải từ ngâm rửa tắm đàn...) → hố ga (bể city) → hầm biogas 1 → hầm biogas 2 → hồ tùy nghi → hồ hiếu khí 1 (máy sục khí hoạt động thường xuyên trong suốt quá trình xử lý) → hồ hiếu khí 2 (hoạt động theo cơ chế làm thoáng khí tự nhiên) → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Dung tích: hố ga (bể city) dung tích 255,2 m³; hầm biogas 1 dung tích 13.221 m³; hầm biogas 2 dung tích 2.221,1 m³; hồ tùy nghi 627,4 m³; hồ hiếu khí 1 có dung tích 1.632,3 m³; hồ hiếu khí 2 có dung tích 1.306,3 m³.

- Hồ sinh học (gồm hồ tùy nghi, hồ hiếu khí 1, hồ hiếu khí 2) có kết cấu nền, đầm chặt lớp cát với hệ số K95 có độ dày 20 cm, trên lớp cát rải 01 lớp đá dăm có độ dày 30cm, trên lớp đá dăm đầm nén chặt lớp đất sét K95 có độ dày 60 cm để đảm bảo khả năng chống thấm, tuyệt đối không để rò rỉ nước thải qua thành hồ ra ngoài.

- Bể khử trùng có kết cấu bằng bê tông cốt thép, sơn chống thấm bên trong, đảm bảo khả năng chống thấm và không rò rỉ nước thải ra ngoài qua thành bể.

- Vật liệu, hoá chất, công cụ sử dụng: máy sục khí, bèo tây, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các bể, hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Chủ cơ sở tự quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và phải bảo đảm đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định (thực hiện vận hành thử nghiệm sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi tại trang trại.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

Vị trí lấy mẫu nước thải đầu ra: nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (nước thải đầu ra tại bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước

thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành trang trại; hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải của trang trại.

3.3. Đảm bảo sục khí ô xy liên tục tại hồ hiếu khí 1 trong suốt quá trình xử lý nước thải.

3.4. Vị trí điểm xả nước thải sau xử lý của cơ sở ra môi trường tiếp nhận phải biển báo, ký hiệu rõ ràng tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; điểm xả nước thải vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo ở vị trí dễ quan sát, dễ lấy mẫu, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát, giám sát.

3.5. Thường xuyên vớt chất thải rắn, nạo vét bùn thải tại hồ tùy nghi, hồ hiếu khí 1, hồ hiếu khí 2 để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

3.6. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó lưu ý: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Tân Uyên trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND

ngày.....tháng.....năm 2025.... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các khu chuồng nuôi: bố trí hệ thống làm mát và thông gió tốt. Chuồng nuôi được thiết kế kín gió, xây dựng hoàn toàn khép kín; xung quanh khu vực nhà điều hành, nhà ở công nhân, khu vực chuồng trại, khu xử lý chất thải bố trí cây xanh với loại cây tán rộng, độ cao của cây mật độ trồng phù hợp. Sau mỗi quạt hút, bố trí hệ thống chụp hút và sử dụng vật liệu phù hợp để khử mùi hôi (như than hoạt tính). Tắm lợn hàng ngày, vệ sinh chuồng trại 02 lần/ngày để thu gom phân đưa về nhà để phân, lượng phân còn sót lại sẽ được đẩy cùng với nước thải xuống hầm biogas để xử lý. Sử dụng chế phẩm EM với liều lượng và tần suất phù hợp để thúc đẩy phân hủy nhanh các chất hữu cơ, ức chế sự phát triển của vi sinh vật gây bệnh, hấp thụ các chất gây mùi hôi chuồng trại, giảm ruồi nhặng...

- Mương thoát nước thải: xây dựng hệ thống mương thu gom chất thải có nắp đậy kín, dẫn bằng đường ống PVC D110 –D250 mm dẫn ra hố ga để giảm thiểu mùi hôi phát sinh do khí thải trong quá trình thoát nước thải. Dùng dung dịch EM pha loãng với tỉ lệ phù hợp, tần suất 1 lần/ngày đổ vào mương thu gom nước thải để triệt tiêu mùi.

- Đối với khí gas phát sinh tại hầm biogas:

+ Túi khí HDPE được phủ và đầm chặt bằng đất sét xung quanh bờ của hầm biogas, quá trình đầm đất sét phải được đầm chặt với chiều dày 0,5 m và rộng 1,5 m để đảm bảo khí gas không bị rò rỉ ra ngoài. Lắp đặt ống thu khí cao su tổng hợp có đường kính $\Phi 15$ mm và van xả áp để thu khí trong túi khí HDPE, ống thu khí được đặt cách mặt đất 0,1 m bên phía đầu ra của hầm biogas để đảm bảo vệ sinh. Việc lắp van xả áp để đóng và mở trong quá trình sử dụng khí. Các ống thu khí gas được bọc trong ống nhựa PVC $\Phi 25$ mm và được chôn sâu 0,1 m so với mặt đất. Khí biogas được dẫn theo đường ống riêng để sử dụng nấu ăn, thắp sáng, chạy máy phát điện, ...

+ Bố trí 01 hệ thống thu gom, phân phối khí gas đồng bộ và hiện đại (có bộ lọc khí để loại bỏ CO_2 , H_2S , bụi và hơi nước) đến các khu vực tiêu thụ. Toàn bộ 100% lượng khí sinh ra từ hầm biogas sẽ được thu gom vào hệ thống khép kín đưa đến máy phát điện để chuyển hoá thành điện năng cấp cho nhu cầu dùng điện của trang trại, không xả thải ra ngoài môi trường.

- Khu vực ép và lưu trữ phân tại nhà để phân: phân sau khi được ép được khử trùng bằng vôi bột. Rắc vôi bột rắc, chế phẩm vi sinh, tiến hành phun đều lên

phân lợn với tần suất rắc, phun 04 lần/ngày. Phân sau đó sẽ được đóng bao với trọng lượng 50 kg/bao, lưu trữ tại nhà để phân định kỳ phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu phát tán mùi hôi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động chăm sóc cây trồng: trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ cho công nhân lao động chăm sóc cây trồng như khẩu trang, quần áo, găng tay. Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng chủng loại được phép sử dụng và liều lượng, quy trình kỹ thuật, chỉ sử dụng trong trường hợp xuất hiện bệnh trên cây trồng.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng bắt buộc phải giám sát tự động, liên tục đối với khí thải.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút khu vực chuồng trại và hệ thống thu gom, phân phối khí gas phát sinh từ bể biogas đảm bảo toàn bộ khí gas được thu gom và tận dụng, không xả ra môi trường. Trường hợp khí gas phát sinh từ bể biogas phát tán ra môi trường, chủ dự án phải kịp thời sửa chữa, khắc phục và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường không khí.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, biện pháp giảm thiểu tác động, thu gom, xử lý khí thải.

2.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: từ hoạt động chăn nuôi (tiếng kêu của lợn trong chuồng);
- Nguồn số 02: từ quạt công nghiệp (quạt hút cuối chuồng nuôi lợn);
- Nguồn số 03: từ máy bơm nước, máy ép phân;
- Nguồn số 04: từ máy phát điện sử dụng nguồn khí phát sinh từ hầm biogas.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trang trại lợn xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Nguồn số 01: tọa độ đại diện X = 2442697.6 ; Y = 591481.0.
- Nguồn số 02: tọa độ đại diện X = 2442739.9 ; Y = 591476.6.
- Nguồn số 03: tọa độ đại diện X = 2442741.1 ; Y = 591493.9.
- Nguồn số 04: tọa độ đại diện X = 2442544.9 ; Y = 591626.7.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi giờ 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống quạt, máy ép phân, máy phát điện đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt đệm cao su cho các động cơ như máy bơm, máy ép phân, máy phát điện để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn, thay thế máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng phát sinh chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên dự kiến

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	0,5
2	Chai lọ thuốc, vắc xin	14 01 06	Rắn	20
3	Bao bì thuốc thú y, thuốc sát trùng hết hạn; thuốc vắc xin, hóa chất hết hạn, ống kim tiêm	14 01 08	Rắn	5
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải từ hệ thống máy phát điện bằng biogas	18 02 01	Rắn	40
5	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	2
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	2
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	0,5
8	Bao bì ni-lông, bao bì giấy chứa thuốc thú y nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	5
9	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	Rắn	4
10	Lợn chết do dịch bệnh	14 02 01	Rắn	Phát sinh không

				thường xuyên
Tổng cộng				79

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Ghi chú
1	Phân lợn	tấn/ngày	9,6	2 kg/con/ngày
2	Bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì phân bón cho cây trồng	kg/ngày	10	Ước tính
3	Xác lợn chết thông thường	kg/ngày	20	Ước tính
4	Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước thải	tấn/năm	1	Ước tính

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 8,4 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa

+ Kho/khu vực lưu giữ CTNH trong nhà: kho có diện tích 16m².

+ Thiết kế, cấu tạo: kho kín, tường xây gạch chỉ chịu lực, mái lát gạch lá nem, cửa kho kín, nền bê tông xi măng đảm bảo khô thoáng, có gờ tại cửa kho cao hơn mặt sàn của kho, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; trong kho bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn trong kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: không bố trí thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Kho lưu chứa:

+ Khu vực đặt máy ép phân kết hợp đặt ở nhà để phân: diện tích xây dựng 75m², nền bê tông xi măng, tường dùng hệ thống tôn quay kết hợp lưới chống côn trùng phủ xung quanh.

+ Đối với bao bì thức ăn chăn nuôi sau khi sử dụng được thu gom vào thùng chứa và đặt trong khu vực nhà kho của trang trại, bao bì sẽ được tận dụng chính

cho để lưu chứa phân lợn sau khi ép, phần còn thừa còn lại được xử lý như đối với chất thải rắn thông thường.

+ Đối với xác lợn chết không do dịch bệnh sẽ được đưa đến hầm hủy xác để thu gom, tiêu hủy. Hầm hủy xác có dung tích 174 m³ (kích thước: dài 11,6 m, rộng 3 m; chiều sâu 5m), chia thành 3 ngăn với dung tích mỗi ngăn là 58 m³, mỗi ngăn có 01 cửa kích thước 0,8 m x 0,8 m. Các ngăn hoạt động luân phiên riêng biệt để đảm bảo thời gian phân hủy của mỗi ngăn (khi ngăn 1 đầy, tiến hành bỏ xác lợn lần lượt vào ngăn thứ 2, ngăn thứ 3).

- Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước thải: đưa về máy ép bùn và xử lý như giống phân lợn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác tại khu vực nhà điều hành, văn phòng và khu vực trang trại để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2.4. Xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải nguy hại: hợp đồng với đơn vị được cấp Giấy phép hành nghề xử lý chất thải nguy hại để chuyển giao xử lý chất thải nguy hại theo quy định; riêng đối với chất thải nguy hại là lợn chết do dịch bệnh được xử lý đúng quy trình xử lý dịch bệnh trong chăn nuôi.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Phân lợn được ép thành phân bón (phân bón được tận dụng cây trồng tại trang trại và hợp đồng, chuyển giao cho các đơn vị có nhu cầu đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật), phần còn sót lại được xử lý tại bể biogas.

+ Bùn thải từ quá trình nạo vét hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn vớt từ hồ sinh học được tiếp tục ép thành phân.

+ Xác lợn chết thông thường được thu gom, tiêu hủy tại hầm ngầm phía dưới nhà ép phân, sau đó được dẫn về bể biogas để tiếp tục xử lý. Để thúc đẩy quá trình phân hủy xác chủ dự án bổ sung chế phẩm sinh học (lifestock). Sau quá trình ủ, tiến hành lọc bỏ xương (xương lợn chết không do dịch bệnh được xử lý như chất thải rắn thông thường). Phần còn lại sau khi ủ xác sẽ trở thành dạng bùn và dịch lỏng sẽ được dẫn về hồ city sau đó được dẫn về bể biogas để xử lý.

+ Bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì phân bón cho cây trồng được tận dụng hoặc xử lý như chất thải rắn sinh hoạt khác; bùn cặn từ bể tự hoại sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu hồi khí biogas, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống thu gom thoát nước mưa, sự cố do cháy nổ, biện pháp.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3. Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở có lắp đặt công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào (nếu có), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành được viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 2 năm)

4. Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của cơ sở; đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của cơ sở.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.